

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH KẾ TOÁN**

**TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ**

**MÃ NGÀNH: 8340301**

**Hà Nội, 2022**

## MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi .....	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals) .....	5
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	6
1.8 Chiến lược giảng dạy và học tập .....	14
1.9 Các phương pháp đánh giá .....	20
1.10 Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs) .....	25
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY .....</b>	<b>46</b>
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	46
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy.....	46
2.3. Danh sách học phần .....	49
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	50
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra .....	54
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	56
2.7. Tiến trình giảng dạy .....	59
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần .....	60
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo .....	64
<b>III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>68</b>

# I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán trình độ thạc sĩ trường Đại học Lao động – Xã hội, mã ngành 8340301 đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

## 1.2. Thông tin chung

**Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Kế toán**

<b>Tên chương trình đào tạo</b>	<b>Kế toán (Accounting)</b>
<b>Mã ngành đào tạo</b>	8340301
<b>Trình độ đào tạo</b>	Thạc sĩ
<b>Thời gian đào tạo</b>	2 năm
<b>Tên gọi văn bằng</b>	Thạc sĩ kế toán
<b>Trường cấp bằng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội
<b>Khoa quản lý</b>	Kế toán
<b>Số tín chỉ yêu cầu</b>	60 tín chỉ
<b>Website</b>	www.uls.edu.vn
<b>Fanpage</b>	
<b>Ban hành</b>	Quyết định số 1427A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

## 1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

### 1.3.1. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục toàn diện (Comprehensive education):** Giáo dục toàn diện tại Trường Đại học Lao động - Xã hội được tổ chức có kế hoạch, có mục đích nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, cảm xúc và kỹ năng trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành,

giữa học tập và hoạt động ngoại khóa.

- **Kiến tạo tương lai (Creating the future):** Trường Đại học Lao động - Xã hội là môi trường kiến tạo tương lai thông qua việc xây dựng thói quen học tập và tư duy tích cực cho người học; Hoạch định công việc cho tương lai; Đúc rèn ý chí quyết tâm để đạt được ước mơ, hoài bão; Tối ưu hóa việc sử dụng thời gian; Đánh giá đúng đắn và kiên định với mục tiêu; Đối thoại tích cực, giao tiếp hiệu quả. Nhà trường cung cấp môi trường học tập và rèn luyện để người học có đủ năng lực kiến tạo tương lai cho chính bản thân.

- **Vươn tầm hội nhập (Reaching integration):** Trường Đại học Lao động - Xã hội kiến tạo môi trường học tập và nghiên cứu cho người học tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực tiên tiến thông qua việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tương đồng với các trường đại học trong khu vực và thế giới; hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đối tác quốc tế. Nhà trường tạo môi trường để người học nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, tác phong làm việc, kỹ năng hội nhập, qua đó tạo nền tảng cho việc hội nhập.

### 1.3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

**Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Kế toán**

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa Kế toán</b>
<b>Sứ mạng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Khoa Kế toán có sứ mạng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành LĐTĐXH và đất nước.
<b>Tầm nhìn</b>	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động - Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực	Khoa Kế toán là một trong những khoa hàng đầu của Trường ĐH Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, cung cấp nguồn

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa Kế toán</b>
	hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng. Đến năm 2030, Khoa Kế toán phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng uy tín và tốt nhất Việt Nam.
<b>Giá trị cốt lõi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyên nghiệp.</li> <li>• Sáng tạo</li> <li>• Hội nhập</li> </ul>	<p><b>Chuyên nghiệp:</b> nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên nghiệp.</p> <p><b>Sáng tạo:</b> phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh</p> <p><b>Hội nhập:</b> Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ mới</p>

#### 1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

##### 1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán có các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu; có các kiến thức lý thuyết sâu, rộng của kinh tế thị trường, quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế; nắm vững, am hiểu kiến thức thực tế và nghiên cứu chuyên sâu về kế toán; có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị quản lý công, tổ chức tài chính; có khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán một cách khoa học và tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực kế toán – kiểm toán, có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có tinh thần sáng tạo và trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng xã hội; có ý thức tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có năng lực phát triển nghề nghiệp của bản thân trong bối cảnh kinh tế hội nhập toàn cầu.

#### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể**

**PO1:** Đào tạo học viên có các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề; có các kiến thức lý thuyết sâu, rộng của kinh tế thị trường, quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế.

**PO2:** Đào tạo học viên nắm vững, am hiểu kiến thức thực tế và có kiến thức chuyên sâu, tiến tiến và hiện đại liên quan đến lĩnh vực kế toán; có thể đảm nhận được công việc của chuyên gia liên quan đến ngành kế toán.

**PO3:** Đào tạo học viên ứng dụng và phát triển kiến thức để tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính; tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập quốc tế.

**PO4:** Đào tạo học viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kế toán – kiểm toán một cách khoa học và tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán; có kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

**PO5:** Đào tạo học viên có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện; có kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi trường quốc tế; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực kế toán – kiểm toán.

**PO6:** Đào tạo học viên có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có tinh thần sáng tạo và trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng xã hội; có ý thức tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường công việc thay đổi; có năng lực nghiên cứu độc lập, đưa ra những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên môn cao để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực kế toán.

#### **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

##### **Kiến thức:**

**PLO1:** Người học vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

**PLO2:** Người học vận dụng và phát triển được các kiến thức lý thuyết sâu, rộng của kinh tế thị trường, quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế trong phân tích các các hoạt động kinh doanh của các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

**PLO3:** Người học vận dụng và phát triển hệ thống các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán – kiểm toán để có thể đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán.

**PLO4:** Người học vận dụng và phát triển kiến thức thực tiễn để tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính; tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập quốc tế.

**PLO5:** Người học vận dụng và phát triển các kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán trong các đơn vị kế toán, quản trị các nguồn lực tài chính trong đơn vị, phân tích dữ liệu tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế thông qua hệ thống báo cáo tài chính của đơn vị.

Kỹ năng:

**PLO6:** Người học vận dụng kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá và hệ thống hóa dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý một cách khoa học và hiệu quả.

**PLO7:** Người học vận dụng và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kế toán – kiểm toán một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.

**PLO8:** Người học vận dụng và phát triển kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực kế toán – kiểm toán. và kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

**PLO9:** Người học vận dụng và phát triển tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.

**PLO10:** Người học vận dụng thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi trường quốc tế liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.

**Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:**

**PLO11:** Người học tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, luôn sẵn sàng thích nghi với môi trường công việc thay đổi với áp lực cao.

**PLO12:** Người học phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia để phát

triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực kế toán.

**Trình độ ngoại ngữ:**

**PLO13:** Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

**Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình**

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mục tiêu cụ thể (POs)					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
CĐR1 (PLO1)	X		X	X	X	
CĐR2 (PLO2)	X		X	X	X	
CĐR3 (PLO3)		X	X	X	X	
CĐR4 (PLO4)		X	X	X	X	
CĐR5 (PLO5)			X	X	X	X
CĐR6 (PLO6)	X		X	X	X	
CĐR7 (PLO7)		X	X	X	X	
CĐR8 (PLO8)		X	X	X	X	X
CĐR9 (PLO9)				X	X	X
CĐR10 (PLO10)	X	X	X	X		X
CĐR11 (PLO11)				X	X	X
CĐR12 (PLO12)		X	X	X	X	X
CĐR13 (PLO13)	X	X	X	X		X

**Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT chuyên ngành Kế toán đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực**

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
CĐR1	Người học vận dụng được các kiến	K2	4



<b>(PLO1)</b>	thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống		
<b>CDR2 (PLO2)</b>	Người học vận dụng và phát triển được các kiến thức lý thuyết sâu, rộng của kinh tế thị trường, quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế trong phân tích các hoạt động kinh doanh của các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	<b>K2, K3</b>	<b>4</b>
<b>CDR3 (PLO3)</b>	Người học vận dụng và phát triển hệ thống các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán – kiểm toán để có thể đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán	<b>K1</b>	<b>4</b>
<b>CDR4 (PLO4)</b>	Người học vận dụng và phát triển kiến thức thực tiễn để tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính; tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập quốc tế.	<b>K1, K2, K3</b>	<b>5</b>
<b>CDR5 (PLO5)</b>	Người học vận dụng và phát triển các kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán trong các đơn vị kế toán, quản trị các nguồn lực tài chính trong đơn vị, phân tích dữ liệu tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế thông qua hệ thống báo cáo tài chính của đơn vị.	<b>K1, K2, K3</b>	<b>4</b>

<b>CDR6 (PLO6)</b>	Người học vận dụng kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá và hệ thống hóa dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý một cách khoa học và hiệu quả.	<b>S1, S2</b>	<b>4</b>
<b>CDR7 (PLO7)</b>	Người học vận dụng và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kế toán – kiểm toán một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.	<b>S1, S4</b>	<b>4</b>
<b>CDR8 (PLO8)</b>	Người học vận dụng và phát triển kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực kế toán – kiểm toán. và kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	<b>S2, S3</b>	<b>4</b>
<b>CDR9 (PLO9)</b>	Người học vận dụng và phát triển tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	<b>S1</b>	<b>5</b>
<b>CDR10 (PLO10)</b>	Người học vận dụng thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi trường quốc tế liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	<b>S5</b>	<b>4</b>
<b>CDR11 (PLO11)</b>	Người học tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với	<b>C1, C2</b>	<b>4</b>

	tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, luôn sẵn sàng thích nghi với môi trường công việc thay đổi với áp lực cao.		
<b>CĐR12 (PLO12)</b>	Người học phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực kế toán.	<b>C1, C2, C3, C4</b>	<b>4</b>
<b>CĐR13 (PLO13)</b>	Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	<b>S5</b>	<b>4</b>

### Danh mục các chuẩn đối sánh:

#### (1) TĐNL - Trình độ năng lực chung

**Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung**

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề

#### (2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 7

**Kiến thức (K):**

- K1. Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo;
- K2. Kiến thức liên ngành có liên quan;
- K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý.

***Kỹ năng (S):***

- S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;
- S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác;
- S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;
- S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp;
- S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

***Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):***

- C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng;
- C2. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;
- C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;
- C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

**1.6 Cơ hội việc làm và học tập**

**1.6.1 Cơ hội việc làm**

- Nghệ nghiệp và học tập các ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Chuyên viên làm và học tập các hoạt động chuyên môn. ực chuyên môn; g lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; học; chức; có sức khỏe tc, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các đơn vị hành chính công.
- Chuyên gia phân tích, tư vấn các hoạt động chuyên môn. ực chuyên môn; g lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; học; chức; có sức khỏe tc, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các đơn vị hành chính, các đơn vị hành chính công nhằm cải tiến công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, quản lý tài chính.
- Chuyên gia phân tích, tư vấn các hoạt động chuyên môn. ực chuyên môn; g lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; học; chức; có sức khỏe tc, ngân hàng và

- Thuyên gia phân tích, tư vấn các hoạt động chuyên môn. ưc chuyên môn; g lĩnh vực học thuậtán, tư vấn...

- Chuyên viên, cán bh, tư vấn các hoạt động chuyên môn. ưc chuyên môn; g lĩnh vực học thuậtán, tư vấn...hiệp; học; chức; có sức khỏe tc, ngân

### **1.6.2. Cơ hội học tập**

- Có cơ h học tập, cán bh, tư vấn các hoạt động chuyên môn. ưc chuyên môn; g lĩnh vực học n như CPA, ACCA, CET, CIMA, ACA, CFA....

- Có cơ h học tập, cán bh, tư vấn các hoạt động chuyên môn. ưc chuyên môn; g lĩnh vực học n như CPA, ACCA, CET, CIMA, ACA, CFA....ức khỏe tc, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, cá

## **1.7 Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **1.7.1 Tiêu chí tuyển sinh**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

### **1.7.2 Quá trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 2 năm.

### **1.7.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-ĐHLĐXH ngày 06/01/2022, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Kế toán khi có đủ các điều kiện sau:

(1) Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập

(2). Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

#### 1.7.4 Hệ thống tính điểm

##### Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

##### Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$ : là điểm học phần thứ  $i$

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$ : là tổng số học phần

#### 1.8 Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Kế toán nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, chịu trách nhiệm. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm 08 nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học, và chiến lược mô hình lớp học đảo ngược.

### 1.8.1 Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gợi mở** (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

### 1.8.2 Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa

chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình

### 1.8.3 Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư



duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

- **Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming):** Là phương pháp nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong nhóm cùng thảo luận. Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định, các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa càng nhiều ý kiến càng tốt. Các thành viên tham gia một cách tích cực nhằm tạo ra “con lóc” ý tưởng.
- **Sơ đồ tư duy (Mindmap):** Trong số các phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật mindmap còn được gọi là kỹ thuật sơ đồ tư duy được đánh giá rất cao. Vì với cách học bằng sơ đồ, người học sẽ dùng đến hình ảnh, sơ đồ để mở rộng cũng như đào sâu các kiến thức, ý tưởng để ghi chép lại bài học theo sự logic từ đó phát triển tư duy của họ theo hướng tích cực.

#### 1.8.4 Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.
- **Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share):** Đây là hoạt động làm việc theo nhóm đôi, qua đó phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề. Giảng viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở và dành thời gian để người học suy nghĩ. Người học thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại với nhau. Nhóm đôi này lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.

#### 1.8.5 Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán

cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành *Kế toán* sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

### 1.8.6 Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của người học. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành *Kế toán trong bối cảnh của CMCN 4.0*.

### 1.8.7 Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

### 1.8.8 Chiến lược mô hình lớp học đảo ngược

**Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom):** Đây là mô hình học tập ngược lại với mô hình học tập truyền thống. Trong mô hình này, học viên sẽ học bài trước khi lên lớp thông qua các video quay sẵn, tài liệu hỗ trợ. Đôi khi là các cuộc thảo luận trực tuyến và chuẩn bị câu hỏi, chủ đề thảo luận. Sau đó, khi lên lớp, học sinh đặt các câu hỏi để giáo viên giải đáp; cùng làm bài tập và thảo luận nhóm... để hiểu sâu và mở rộng kiến thức.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

**Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	<b>Dạy học trực tiếp</b>													
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x		x		x	x	x	
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	<b>Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm</b>													
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x			x							
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x	x	x	x		x	x	x	x	x		
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
III	<b>Dạy kỹ năng tư duy</b>													
	Giải quyết vấn đề													
TLM8	(Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM17	Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TLM19	Sơ đồ tư duy (Mindmap)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IV	<b>Dạy học tương tác</b>													
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	
TLM16	Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
V	<b>Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy</b>													
TLM11	Nghiên cứu độc lập		X	X	X	X	X	X	X	X			X	
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		X	X	X	X	X	X	X					
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)							X	X					
VI	<b>Dạy học dựa vào công nghệ</b>													
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
VII	<b>Tự học</b>													
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X
VIII	<b>Mô hình lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)</b>													
TLM17	Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	

## 1.9 Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên lên tục định

kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

### ***1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)***

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được ULSA, Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), làm việc nhóm (teamwork), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiên thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, đo án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như rubric 4.

### **1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phong vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, Đề án tốt nghiệp (graduation report, Thesis):**

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

**Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment)													

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)											x	x	
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)												x	
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)											x		
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
11	<b>Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)</b>													
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)											x	x	x
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)											x	x	x
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)											x		
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM7	Viết báo cáo (Written Report)											x		
			x	x	x	x	x	x	x		x			
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)											x		
		x	x	x	x	x	x		x	x	x			
AM9	Thực hành (Practice)											x	x	
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM10	Báo cáo thực tập, Luận văn tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)													
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			



### 1.10 Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

**Bảng 1.10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)**

CHUẨN ĐẦU RA PLOs	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
<b>PLO1:</b> Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống	TRH101	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15, TLM16, TLM17	AM1, AM2, AM4, AM7
	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM14, TLM15, TLM16, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM7
	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15, TLM18, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15, TLM16, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM10, TLM16, TLM18	AM1, AM2, AM4, AM7
	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15, TLM16, TLM17	AM1, AM2, AM4,

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17, TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17, TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO2:</b> Vận dụng và phát triển được các kiến thức lý thuyết sâu, rộng của kinh tế thị trường, quản trị tài chính, quản trị	TRH101	Triết học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15 TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4,AM7
	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM14,TLM15 TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế trong phân tích các các hoạt động kinh doanh của các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2, AM4,AM5,AM7
	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15,TLM18, TLM19	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	TLM1,TLM2,TLM3,TLM4,TLM9,TLM10,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1,TLM2,TLM5,TLM7,TLM9,TLM10, TLM16,TLM18	AM1,AM2,AM4,AM7
	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15, TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4

CHUẨN ĐẦU RA PLOs	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO3:</b> Vận dụng và phát triển hệ thống các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán – kiểm toán để có thể đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán.	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO4:</b> Vận dụng và phát triển kiến thức thực tiễn để	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính; tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập quốc tế.	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
<b>PLO5:</b> Vận dụng và phát triển các kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán trong các đơn vị kế toán, quản trị các nguồn lực tài chính trong đơn vị, phân tích dữ liệu tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế thông qua hệ thống báo cáo tài chính của	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
đơn vị.	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17, TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17, TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO6:</b> Vận dụng kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá và hệ thống hóa dữ liệu và	TRH101	Triết học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15 TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4,AM7
	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM14,TLM15 TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4
	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4



<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý một cách khoa học và hiệu quả.	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15,TLM18,TLM19	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	TLM1,TLM2,TLM3,TLM4,TLM9,TLM10,TLM14,TLM15,TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1,TLM2,TLM5,TLM7,TLM9,TLM10,TLM16,TLM18	AM1,AM2,AM4,AM7
	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15,TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO7:</b> Vận dụng và phát triển kỹ năng phân tích, tổng	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kế toán – kiểm toán một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM1, AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO8: Vận dụng và phát triển kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
và kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO9:</b> Vận dụng và phát triển tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phân biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10
<b>PLO10:</b> Vận dụng thành thạo kỹ năng ngoại ngữ	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi trường quốc tế liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM7
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTO417	Thực tập	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM1, AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
	<b>PLO11:</b> Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách	TRH101	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15, TLM16, TLM17
PPN102		Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM14, TLM15, TLM16, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4
KTO201		Lý thuyết kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4



<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, luôn sẵn sàng thích nghi với môi trường công việc thay đổi với áp lực cao	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15,TLM18,TLM19	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	TLM1,TLM2,TLM3,TLM4,TLM9,TLM10,TLM14,TLM15,TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1,TLM2,TLM5,TLM7,TLM9,TLM10,TLM16,TLM18	AM1,AM2,AM4,AM7
	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15,TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO311	Kiểm toán nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10

CHUẨN ĐẦU RA PLOs	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
<b>PLO12:</b> Phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực kế toán	TRH101	Triết học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15 TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4,AM7
	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM14,TLM15 TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4
	KTO201	Lý thuyết kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7
	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15,TLM18, TLM19	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	TLM1,TLM2,TLM3,TLM4,TLM9,TLM10,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8

<b>CHUẨN ĐÀU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1,TLM2,TLM5,TLM7,TLM9,TLM10, TLM16,TLM18	AM1,AM2,AM4,AM7
	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15, TLM16,TLM17	AM1,AM2,AM4
	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4
	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4

CHUẨN ĐẦU RA PLOs	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs	
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10	
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM10	
<b>PLO13:</b> Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM7	
	KTO206	Quản trị chi phí	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5AM7	
	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	
	KTO417	Thực tập	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM1,AM10	
	KTO518	Đề án tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15, TLM16,TLM17,TLM18,TLM19	AM10	

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

### 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy.

**Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành kế toán**

Kh toán1. Cấu trúc chương trình giảng dạy		Sh toán1.	Th toán
1	Ki toán1. Cấu t	6	10
2	Ki toán1. Cấu tr	12	20
3	Ki toán1. ngành	27	45
4	Thànhán1.	6	10
5	Đòànhán1. Cấu tr	9	15
<b>T5ànhán1.</b>		<b>60</b>	<b>100</b>

### 2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

#### 2.2.1. Khối kiến thức chung (6 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu như

- Hệ thống các kiến thức về Triết học,
- Hệ thống các kiến thức về Phương pháp nghiên cứu khoa học

#### 2.2.2. Khối kiến thức cơ sở (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức thực tế và chuyên sâu, hiện đại như:

- Kiến thức về Lý thuyết kế toán
- Kiến thức về Kế toán tài chính nâng cao
- Kiến thức về Luật và chuẩn mực kế toán
- Kiến thức về Hệ thống kiểm soát quản trị
- Kiến thức về Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm
- Kiến thức về Quản trị chi phí

#### 2.2.3. Kiến thức về Chuyên ngành (27 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức sâu, rộng của kinh tế thị trường, quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại bao gồm: Kiến thức về Quản trị marketing hiện đại, Quản trị chiến lược kinh doanh, Kỹ năng lãnh đạo và quản lý, Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hoá.

Khối kiến thức này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán như:

- Kiến thức chuyên sâu về Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Hệ thống thông tin kế toán nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Tổ chức kế toán nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Kiểm toán nội bộ
- Kiến thức chuyên sâu về Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Kế toán quản trị nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Kế toán thuế nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Phân tích báo cáo tài chính nâng cao
- Kiến thức chuyên sâu về Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao.

#### 2.2.4. Th toán hành chính s

Vh toán hành chíntriển kiến thức thực tiễn vào các hoạt động của lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.

#### 2.2.5. Đh toán hành chíntriển kiến

Vh toán hành chíntriển kiến thức thực tiễn vào các hoạt động của lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. có sức khỏe tốt để làm việc, nữ liệu tài chính theo chuẩn mực kế toán trong nước và quốc tế.

#### Bh toán hàMa trán hành chíntriển kiến thức thực tiễn vào các hoạt động c

TT	Kh trán hành c	Sh trán hà		Chutrán hành chíntr													
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	Kiutrán hàchung	6	10	M	H	M	M	---	---	M	M	---	---	M	M	M	
2	Kiungán hành chí	12	20		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M
3	Kiungán hàngành	27	45		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M
4	Thànhán	6	10	M	H	M	M	H	H	M	M	H	H	M	M	M	
5	Đòànhán hành chí	9	15	M	H	M	M	H	H	M	M	H	H	M	M	M	

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp





### 2.3. Danh sách hH - Cao

#### Bảng sách hH - Cao, M - Trung bình, L - Thấp các hình sách ngành ngành

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
				Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN		
<b>1.1 Kiến thức chung</b>				<b>6</b>	<b>6</b>					
1.1.1	TRH101	Triết học		4	4					
1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2					
<b>1.2 Kiến thức cơ sở</b>				<b>12</b>						
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>6</b>	<b>6</b>					
1.2.1.1	KTO201	Lý thuyết kế toán		3	3					
1.2.1.2	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao		3	3					
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau theo từng nhóm)</b>			<b>6</b>	<b>6</b>					
1.2.2.1	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán		3	3					
1.2.2.2	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị		3	3					
1.2.2.3	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm		3	3					
1.2.2.4	KTO206	Quản trị chi phí		3	3					
<b>1.3 Kiến thức ngành</b>				<b>27</b>						
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>15</b>					
1.3.1.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý		3	3					
1.3.1.2	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực		3	3					

		trong môi trường toàn cầu hóa							
1.3.1.3	QTK307	Quản trị marketing hiện đại		3	3				
1.3.1.4	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh		3	3				
1.3.1.5	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	3				
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau theo từng nhóm)</b>			<b>12</b>	12				
1.3.2.1	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao		3	3				
1.3.2.2	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao		3	3				
1.3.2.3	KTO311	Kiểm toán nội bộ		3	3				
1.3.2.4	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao		3	3				
1.3.2.5	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao		3	3				
1.3.2.6	KTO314	Kế toán thuế nâng cao		3	3				
1.3.2.7	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao		3	3				
1.3.2.8	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao		3	3				
1.4	KTO417	Thực tập thạc sĩ ngành kế toán		<b>6</b>				6	
1.5	KTO518	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành kế toán		<b>9</b>			9		
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>	<b>45</b>		<b>9</b>	<b>6</b>	

#### 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs											Mức tự chủ, chịu trách nhiệm	Trình độ Ngoại ngữ
			Kiến thức					Kỹ năng							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10			
<b>1.1</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>														
1.1.1	TRH101	Triết học	I, T, U	I, T, U					U					T, U	T, U
1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học													
			T, U	T, U					U					U	U
<b>1.2</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>														
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>														
1.2.1.1	KTO201	Lý thuyết kế toán			I, T, U			I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	T, U		I, T, U	T, U
1.2.1.2	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao													
					I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 02 trong 04 học phần sau theo từng nhóm)</b>														
1.2.2.1	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán													
					I, T, U			I, T, U	I, T, U	I, T, U	TU	TU		I, T, U	TU
1.2.2.2	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị													
			I	I	I	I	I, T, U	I, T, U	I	I, T, U	I, T, U	T, U	I, T, U	T, U	T, U
1.2.2.3	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm													
			I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U
1.2.2.4	KTO206	Quản trị chi phí													
			I	I	T, U	I	I, T, U	I, T, U	I	I, T, U	I, T, U	T, U	I, T, U	T, U	T, U

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs											Trình độ Ngoại ngữ		
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11		PLO12	PLO13
<b>1.3</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH</b>															
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>															
1.3.1.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	I,T,U	T,U					T,U					T,U	T,U	
1.3.1.2	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	I,T	I,T,U					I,T,U					I,U	I,U	
1.3.1.3	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	I,T	T,U					T,U					U	U	
1.3.1.4	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	T,U	T,U					U					U	U	
1.3.1.5	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	I	I,T,U	I,T,U	I,T,U	I,T,U	T,U	T,U			T,U		I,U	T,U	
<b>1.3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau theo từng nhóm)</b>															
1.3.2.1	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao			I, T,U	I, T,U	I, T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	
1.3.2.2	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao			I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U			I,U	I,U	
1.3.2.3	KTO311	Kiểm toán nội bộ	I		I, T,U		I, T,U		I,T,U	I, T,U	I, T,U			T,U	T,U	
1.3.2.4	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	I	I, T,U	I, T,U		T,U		T,U	T,U	T,U			T,U	T,U	

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs											Trình độ Ngoại ngữ		
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11		PLO12	PLO13
1.3.2.5	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	I	I	I	I	I, T, U	I, T, U	I	I, T, U	I, T, U	T, U	I, T, U	T, U		
1.3.2.6	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	
1.3.2.7	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	I, T, U	I, T, U			I, T, U	T, U	T, U	T, U	T, U		I, U	I, U		
1.3.2.8	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao			I, T, U		I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	T, U		I, T, U	T, U		
1.4	KTO417	THỰC TẬP	I	I	I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	
1.5	KTO518	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	I	I	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)</b>																

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize

**2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

**Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	Chia sẻ nhóm đôi	Kỹ thuật Động não	Lớp học đảo ngược	Sơ đồ tư duy
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM10	TL M1	TLM 12	TLM 13	TLM14	TLM 15	TLM16	TLM17	TLM18	TLM19
<b>1.1</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>																				
1.1.1	TRH101	Triết học	X	X		X			X	X		X				X	X	X			
1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X			X	X	X				X	X	X	X			
<b>1.2</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>																				
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																				
1.2.1.1	KTO201	Lý thuyết kế toán	X	X		X										X					
1.2.1.2	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	X	X		X										X					
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 02 trong 04 học phần sau theo từng nhóm)</b>																				
1.2.2.1	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	X	X		X										X					
1.2.2.2	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	X	X		X					X	X				X					
1.2.2.3	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	X	X		X				X						X					
1.2.2.4	KTO206	Quản trị chi phí	X	X		X					X	X				X					
<b>1.3</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH</b>																				
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																				

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	Chia sẻ nhóm đôi	Kỹ thuật Động não	Lớp học đảo ngược	Sơ đồ tư duy
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM10	TL M1 1	TLM 12	TLM 13	TLM14	TLM 15	TLM16	TLM17	TLM18	TLM19
<b>1</b>																					
1.3.1.1	QTN3 07	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	x	x			x		x								x			x	
1.3.1.2	QTN3 08	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	x	x		x			x	x						x	X	X			
1.3.1.3	QTK3 07	Quản trị marketing hiện đại		x		x			x	x	x	x				x				X	X
1.3.1.4	QTK3 08	Quản trị chiến lược kinh doanh	x	x	x	x									x	x	X	X			
1.3.1.5	KTO3 08	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	x	x		x					x										
<b>1.3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau theo từng nhóm)</b>																				
1.3.2.1	KTO3 09	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	x	x		x															
1.3.2.2	KTO3 10	Tổ chức kế toán nâng cao	x	x		x															
1.3.2.3	KTO3 11	Kiểm toán nội bộ	x	x		x					x										
1.3.2.4	KTO3 12	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	x	x		x					x				x	x					
1.3.2.5	KTO3 07	Kế toán quản trị nâng cao	x	x		x															
1.3.2.6	KTO3 14	Kế toán thuế nâng cao	x	x		4															
1.3.2.7	KTO3	Phân tích báo cáo tài	x	x		x					x										

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	Chia sẻ nhóm đôi	Kỹ thuật Động não	Lớp học đảo ngược	Sơ đồ tư duy
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM10	TL M1	TLM 12	TLM 13	TLM14	TLM 15	TLM16	TLM17	TLM18	TLM19
2.7	15	chính nâng cao																			
1.3. 2.8	KTO3 16	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	X	X		X									X						
1.4	KTO4 17	THỰC TẬP	X	X				X	X				X		X	X	X	X	X	X	
1.5	KTO5 18	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	X					X					X		X	X	X	X	X	X	
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)																					

## 2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs											
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ								
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10		
1.1	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG													
1.1.1	TRH101	Triết học	X	X		X				X				
1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X	X								
1.2	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ													



TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
1.2.1.1	KTO201	Lý thuyết kế toán	x	x		x						
1.2.1.2	KTO202	Kế toán tài chính nâng cao	x	x		x	x					
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 02 trong 04 học phần sau theo từng nhóm)</b>											
1.2.2.1	KTO203	Luật và chuẩn mực kế toán	x	x		x						
1.2.2.2	KTO313	Hệ thống kiểm soát quản trị	x	x		x	x		x			
1.2.2.3	KTO205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	x	x		x	x					
1.2.2.4	KTO206	Quản trị chi phí	x	x		x	x		x			
<b>1.3</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH</b>											
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
1.3.1.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	x	x		x			x			
1.3.1.2	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	x	x		x						
1.3.1.3	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	x	x	x	x	x			x		
1.3.1.4	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	x	x	x	x	x			x		
1.3.1.5	KTO308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	x	x		x	x					
<b>1.3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau theo từng nhóm)</b>											
1.3.2.1	KTO309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	x	x		x	x					

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.3.2.2	KTO310	Tổ chức kế toán nâng cao	x	x		x	x					
1.3.2.3	KTO311	Kiểm toán nội bộ	x	x		x						
1.3.2.4	KTO312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	x	x		x	x					
1.3.2.5	KTO307	Kế toán quản trị nâng cao	x	x	x	x	x			x		
1.3.2.6	KTO314	Kế toán thuế nâng cao	x	x		x	x					
1.3.2.7	KTO315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	x	x		x						
1.3.2.8	KTO316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	x	x		x						
<b>1.4</b>	<b>KTO417</b>	<b>THỰC TẬP</b>	x									x
<b>1.5</b>	<b>KTO518</b>	<b>ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>										x
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)</b>												

## 2.7. Tiến trình giảng dạy

**Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo**

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN							
<b>Học kì 1</b>	Triết học (4 TC)	Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý (3 TC)	Quản trị marketing hiện đại (3 TC)	Quản trị chiến lược kinh doanh (3 TC)	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (3 TC)	
<b>Học kì 2</b>	Lý thuyết kế toán (3 TC)	Kế toán tài chính nâng cao (3 TC)	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa (3 TC)	Luật và chuẩn mực kế toán	Hệ thống kiểm soát quản trị	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	Quản trị chi phí
	Học phần tự chọn: Chọn 2/4 (3 TC)						
<b>Học kì 3</b>	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	Tổ chức kế toán nâng cao	Kiểm toán nội bộ	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	Kế toán quản trị nâng cao	Kế toán thuế nâng cao	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao
	Học phần tự chọn: Chọn 4/8 (3 TC)						
<b>Học kì 4</b>	Thực tập Thạc sĩ ngành Kế toán (6 TC)			Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Kế toán (9 TC)			

## **2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần**

### **1. Triết học**

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Thông qua việc nghiên cứu Triết học, học viên hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng những kiến thức môn học vào trong quá trình công tác cũng như việc phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục... của Đảng, Nhà nước.

### **2. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

### **3. Lý thuyết kế toán**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu để nắm rõ bản chất, vai trò, sự hình thành và phát triển của các học thuyết kế toán, và các nghiên cứu trong kế toán. Học phần tập chung nghiên cứu các học thuyết kế toán hiện có; cơ sở phương pháp luận của chúng; một số ứng dụng trong các lĩnh vực cụ thể.

### **4. Kế toán tài chính nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này nghiên cứu các vấn đề của kế toán tài chính, sự ảnh hưởng của hệ thống pháp luật nói chung đến kế toán tài chính. Tiếp đến, học phần đề cập đến những vấn đề của kế toán tài chính trong doanh nghiệp gồm: Kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kế toán như kế toán tiền lương, hàng tồn kho và tài sản cố định. Kế toán doanh thu chi phí, kế toán các khoản đầu tư tài chính, lập báo cáo tài chính trên cơ sở vận dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán. Đặc biệt, học phần đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến các nghiệp vụ đặc thù của doanh nghiệp như các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng cũng như sự thay đổi chính sách kế toán ước tính kế toán và các sai sót. Đối với báo cáo tài chính, học phần tập trung tìm hiểu kỹ thuật lập báo cáo tài chính hợp nhất trong tập đoàn kinh tế.

### **5. Luật và chuẩn mực kế toán**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này nghiên cứu về quy trình ban hành hệ thống pháp luật kế toán, đặc điểm pháp luật kế toán Việt Nam và quốc tế, đồng thời giới thiệu những nội dung khái quát về Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nội dung cơ bản của học phần này sẽ giới thiệu về các chuẩn mực kế toán nền tảng trong ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính như: Chuẩn mực về báo cáo tài chính, chuẩn mực về tài sản, chuẩn mực về doanh thu, chi phí, chuẩn mực về đầu tư tài chính, trên cơ sở so sánh với Chuẩn mực kế toán quốc tế và việc vận dụng các chuẩn mực trong việc xây dựng hệ thống kế toán.

## **6. Hệ thống kiểm soát quản trị**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá....

## **7. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng của kiểm toán; Các loại hình kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; Hệ thống phương pháp kiểm toán; Trình tự tổ chức công tác kiểm toán của kiểm toán nói chung, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính; Các dịch vụ đảm bảo; Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

## **8. Quản trị chi phí**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức phục vụ cho quản trị chi phí giúp tổ chức (doanh nghiệp, đơn vị HCSN) nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh và thành công trong thực hiện chiến lược.

## **9. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Kỹ năng lãnh đạo, quản lý nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý và rèn luyện, phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo nói chung và quản trị nhân lực nói riêng. Học phần tập trung vào các kỹ năng cơ bản như : tổ chức làm việc nhóm, giao tiếp, giao việc, thiết lập mục tiêu và hướng dẫn công việc, khích lệ động viên và góp ý sửa lỗi, lãnh đạo theo tình huống, giải quyết xung đột.

## **10. Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự bùng nổ thông tin, giao lưu, hội nhập quốc tế và những thay đổi về mọi mặt do toàn cầu hóa mang lại.

### **11. Quản trị marketing hiện đại**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần đề cập đến những vấn đề tổng quan về quản trị marketing gồm khái niệm, vai trò marketing, quản trị marketing, quá trình quản trị marketing...; phân tích các cơ hội thị trường từ môi trường marketing, lập kế hoạch chiến lược marketing, xác định khách hàng mục tiêu, hành vi mua của khách hàng; các chiến lược marketing thành phần gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối; quản trị marketing trong thời đại số.

### **12. Quản trị chiến lược kinh doanh**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức về tư duy quản trị chiến lược hiện đại, đảm bảo sự cân bằng giữa hệ thống chiến lược và sự thay đổi của môi trường; triển khai thực hiện chiến lược qua bản đồ chiến lược; kiểm soát chiến lược trong doanh nghiệp bằng công cụ thẻ điểm cân bằng BSC.

### **13. Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, quản trị dòng tiền, cơ cấu vốn và chi phí vốn, lý thuyết cơ bản của định giá doanh nghiệp, ý nghĩa các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Một số vấn đề đến mua bán, sáp nhập và kiệt quỹ tài chính, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

### **14. Hệ thống thông tin kế toán nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống thông tin kế toán, bao gồm: tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; các vấn đề cơ bản về đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ và ứng dụng kiểm soát nội bộ trong xây dựng và đánh giá hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời học phần cung cấp cho người học hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh cụ thể và trong hệ thống báo cáo kế toán. Học

phần cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công và ứng dụng phần mềm kế toán.

### **15. Tổ chức kế toán nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức chuyên sâu về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu từ tổng quan, những vấn đề chung của tổ chức kế toán đến vấn đề chuyên sâu cụ thể, từ tổ chức thu nhận thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán và tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán đặc biệt trong điều kiện tin học hóa cũng được chú ý trong học phần này. Vận dụng các qui định pháp luật kế toán ở Việt Nam hiện nay để thực hiện các nội dung tổ chức kế toán.

### **16. Kiểm toán nội bộ**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần kiểm toán nội bộ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểm toán nội bộ, hệ thống các chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế và các quy định pháp lý về kiểm toán nội bộ tại Việt Nam, tổ chức công tác kiểm toán báo cáo nội bộ tại một tổ chức và quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán nội bộ.

### **17. Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kiểm toán báo cáo tài chính như đối tượng, phương pháp, quan hệ chủ thể và khách thể kiểm toán. Tiếp theo, người học sẽ được trang bị những nội dung cơ bản nhất của một cuộc kiểm toán được thực hiện thông qua ba (3) giai đoạn gồm lập kế hoạch kiểm toán; thực hành kiểm toán; và kết thúc kiểm toán. Theo đó, kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện hoặc theo các chu trình kinh doanh hoặc theo các khoản mục trên báo cáo tài chính (BCTC). Vì vậy, kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền (đại diện cho kiểm toán theo chu trình kinh doanh) và kiểm toán khoản mục tiền (đại diện kiểm toán theo khoản mục trên BCTC) sẽ trang bị cho người học. Tiếp đến là các công việc kiểm soát chất lượng kiểm toán và trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên cũng được giới thiệu cho người học.

### **18. Kế toán quản trị nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị trong môi trường toàn cầu hóa; Phân loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp; Lập kế hoạch và kiểm soát trong doanh nghiệp; Báo cáo bộ phận; Các phương pháp định giá chuyển nhượng nội bộ trong doanh nghiệp; Hệ thống hạch toán chi phí theo hoạt động; Thông tin phù hợp cho việc ra quyết định.

## **19. Kế toán thuế nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho học viên khái quát chung về lịch sử hình thành và sự phát triển của các loại thuế của thế giới và Việt Nam. Tiếp đến, học phần đi sâu và bản chất, cách tính thuế cũng như hạch toán kế toán các loại thuế hiện hành ở Việt Nam. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh đến tính vận dụng và sự linh hoạt của các loại thuế trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

## **20. Phân tích báo cáo tài chính nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cho người học có năng lực chuyên môn sâu, có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và phân tích báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó đáp ứng nhu cầu nhân sự cao trong nền kinh tế thị trường.

## **21. Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao**

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp: hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, doanh thu, chi phí các hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán khi vận dụng các chuẩn mực kế toán công quốc tế và Việt Nam liên quan.

## **22. Thực tập thạc sĩ ngành kế toán**

Số tín chỉ: 6 tín chỉ

Học phần này giúp học viên nghiên cứu, trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập, nghiên cứu cách thức tổ chức và triển khai các nghiệp vụ kế toán tại đơn vị và được hướng dẫn trực tiếp của giảng viên để hoàn thành các nhiệm vụ thực tập thực tế và viết báo cáo kết quả thực tập tại đơn vị. Qua quá trình nghiên cứu, trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập sẽ giúp cho học viên hoàn thiện hệ thống kiến thức về các nghiệp vụ Kế toán.

## **23. Đề án tốt nghiệp ngành kế toán**

Số tín chỉ: 9 tín chỉ

Học phần sẽ cung cấp cho Học viên những cơ sở nền tảng để thực hiện đề án tốt nghiệp ngành Kế toán. Nắm được các phương pháp thực hiện đề án tốt nghiệp; cung cấp kỹ năng thiết kế và thực hiện đề án tốt nghiệp ngành Kế toán; Hướng dẫn, giúp học viên hoàn thiện đề án với kết quả và có định hướng ứng dụng cụ thể tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức liên quan.

### **2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo**

#### **2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo**

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Nhà



trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

• **Các chương trình trong nước:**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Trường ĐH Kinh tế quốc dân.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Học viện tài chính.

• **Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Đại học Công nghệ Swinburne, Australia.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Đại học NewYork Albany, Mỹ.

**2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo**

**Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước**

<b>Trường tham khảo</b>	<b>Tương thích về cấu trúc và nội dung</b>	<b>Chương trình tham khảo</b>	<b>Chương trình đào tạo Kế Toán - ULSA</b>	<b>Mức độ tương đồng</b>
<b>Trường ĐH Kinh tế quốc dân</b>	<b>Cấu trúc</b>	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức cơ bản và kiến thức ngành: 30 TC - Kiến thức ngành: 12 TC - Luận văn: 06 TC - Môn thi đầu vào: 12 TC	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung và kiến thức cơ sở: 18 TC - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC	Số lượng tín chỉ của cả 2 chương trình bằng nhau. Tuy nhiên Chương trình của trường tập trung vào khối kiến thức ngành
	<b>Nội Dung</b>	Các học phần có tên gọi khác: Kinh tế vi mô ứng dụng Kinh tế vĩ mô ứng dụng Quản trị học nâng cao Thống kê ứng dụng	Có các học phần khác: Kế toán tài chính nâng cao Luật và chuẩn mực kế toán Hệ thống kiểm soát quản trị	Hai chương trình có số học phần giống nhau về khối kiến thức cơ bản bắt buộc và khối kiến thức ngành khá tương đồng nhau đến 70% . Có

		Pháp luật kinh doanh Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh Quản trị tác nghiệp Hệ thống thông tin kế toán Đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán Quản lý dự án Tài chính công Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm Quản trị chi phí Quản trị Marketing hiện đại Quản trị chiến lược kinh doanh Kỹ năng lãnh đạo và quản lý Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	sự khác biệt về các học phần khối kiến thức ngành
<b>Học viện tài chính</b>	<b>Cấu trúc</b>	Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung: 06 TC - Kiến thức cơ sở: 12 TC - Kiến thức ngành: 34 TC - Luận văn Thạc sĩ: 8 TC	Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung: 06 TC - Kiến thức cơ sở: 12 TC - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC	Số lượng tín chỉ của cả 2 chương trình bằng nhau.
	<b>Nội dung</b>	Các học phần có tên khác: - Tiếng Anh - Khoa học Quản lý - Định giá tài sản - Đầu tư tài chính - Luật kế toán và chuẩn mực kế toán công - Kế toán tài chính doanh nghiệp bảo hiểm - Kế toán ngân hàng thương mại	Các học phần có tên khác: - Hệ thống Kiểm soát quản trị - Quản trị chiến lược kinh doanh - Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	Hai chương trình có số học phần giống nhau về khối kiến thức cơ bản bắt buộc và kiến thức ngành bắt buộc . Có sự khác biệt về các học phần khối kiến thức ngành tự chọn và cơ sở tự chọn

**Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo ngoài nước**

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
<p><b>Trường Đại học Công nghệ Swinburne, Australia</b></p>	<p><b>Cấu trúc</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số học phần : 12 học phần ( 150 TC). Trong đó:</li> <li>10 học phần bắt buộc (125 TC)</li> <li>2 học phần tự chọn (25 TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng tín chỉ: 60 TC</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Kiến thức chung và kiến thức cơ sở: 18 TC</li> <li>- Kiến thức ngành: 27 TC</li> <li>- Thực tập và đề án TN: 15 TC</li> </ul>	<p>Thời gian đào tạo của trường Swinburne dài, số lượng tín chỉ lớn. Cả hai chương trình của 2 trường cùng có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn để dành quyền chủ động cho người học.</p>
	<p><b>Nội Dung</b></p>	<p>Các học phần có tên khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kế toán và báo cáo</li> <li>- Kiểm toán công ty</li> <li>- Kế toán quản trị</li> <li>- Nguyên tắc và kế hoạch thuế</li> <li>- Kế toán tài chính và lý thuyết</li> <li>- Các vấn đề đương đại trong kế toán và nghiên cứu</li> <li>- Kinh tế</li> <li>- Mô hình hóa và phân tích kinh doanh</li> <li>- Quản lý tài chính doanh nghiệp</li> <li>- Công ty và Luật Hợp đồng</li> </ul>	<p>Các học phần có tên khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kế toán tài chính nâng cao</li> <li>Luật và chuẩn mực kế toán</li> <li>Hệ thống kiểm soát quản trị</li> <li>Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm</li> <li>Quản trị chi phí</li> <li>Quản trị Marketing hiện đại</li> <li>Quản trị chiến lược kinh doanh</li> <li>Kỹ năng lãnh đạo và quản lý</li> <li>Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa</li> </ul>	<p>Chương trình của ULSA ngoài trang bị kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh, quản lý đồng thời đào tạo kiến thức chuyên sâu hiện đại về các môn chuyên ngành</p>

Đại học NewYork Albany, Mỹ	<b>Cấu trúc</b>	Tổng số tín chỉ: 30 TC	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung và kiến thức cơ sở: 18 TC - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC	Thời gian đào tạo của trường Albany ngắn, số lượng tín chỉ ít. Trường Albany chỉ thiết kế các khối kiến thức bắt buộc
	<b>Nội dung</b>	Các học phần có tên khác: - Gian lận báo cáo tài chính và quản trị doanh nghiệp - Hội thảo nghiên cứu về kế toán - Tài chính doanh nghiệp - Phát triển đương đại trong tư tưởng kế toán - Phương pháp thống kê và đảm bảo kế toán	Các học phần có tên khác: - Kế toán tài chính nâng cao - Luật và chuẩn mực kế toán - Hệ thống kiểm soát quản trị - Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm - Quản trị chi phí - Quản trị Marketing hiện đại - Quản trị chiến lược kinh doanh - Kỹ năng lãnh đạo và quản lý - Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	Trường Albany đào tạo, yêu cầu sâu về phân tích và phát triển. Trường ULSA đào tạo phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề tại đơn vị kế toán

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOà giải quyết vấn đề t2022.  
Chương trình đào tCHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOà giải quyết vấn đề tại đơn vị kế to.

Các hong trình đào tCHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOà giải quyết vấn đề tại đơn vị kế toánhi thiết kế các khối kiến thức bắt phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Vic hơng trình đào tCHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOà giải quyết vấn đề tại đơn vị kế toánhĩ thiết kế các khối kiến thức bắt phần thốcó liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Tru hơng trìKru hơng Truhơngphòng Khoa hng trình đào tCHUỒNth, hư hng trình đào tCHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOà giải quyết vấn đề tại đơn vị kế toánhĩ thiết kế các khối kiến thức bắt phần thốcó liên quan mẫn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tCHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOà giải quyết vẫ.

**HI**

**Hà Xuân Hùng**